TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
V/v : *"Kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy;
2. Ông Ngô Văn Minh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Thị Loan, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 01/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18/5/2018 về việc kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 12/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988. Quê quán: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú quán: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quê quán, trú quán: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang D từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Do không dung hòa được các mối quan hệ, suy nghĩ, luôn sảy ra bất đồng, nên trong cuộc sống vợ chồng không có ngày nào yên ổn, hạnh phúc. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 3/2018 đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quang Huy K, sinh ngày 04/4/2011. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân công ty TNHH BUCHEON VIỆT NAM, mức lương trung bình khoảng 6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Quang D trình bầy:

Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Trần Thị T từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng chung sống không được hòa thuận. Chị T có biểu hiện quan hệ bất chính với nhiều người khác và có thái độ không đúng mực với bố đẻ anh. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế từ tháng 3/2018 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Quang Huy K, sinh ngày 04/4/2011, hiện nay cháu K đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu K, cháu muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2018, anh lại yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và cũng tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh D đều thuận tình ly hôn; chị T và anh D đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quang Huy K, sinh ngày 04/4/2011, hiện nay cháu K đang ở cùng chị T. Chị T và anh D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

- Điều luật áp dụng: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang Huy K cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh D đều thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Quang Huy K, sinh ngày 04/4/2011, hiện nay cháu K đang ở cùng chị T. Chị T và anh D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K, chị T và anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T cung cấp được tài liệu chứng minh hiện làm công nhân Công ty TNHH NHỰA CÂY TRUNG BỘ, công việc ổn định, thu nhập bình quân hiện nay khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Anh D cung cấp Hợp đồng lao động, anh làm tại Công ty TNHH Liên Thành, công việc ổn định, thu nhập bình quân khoảng 7 triệu đồng/tháng. Tại phiên tòa anh cung cấp băng ghi âm về việc chị T có thái độ không đúng mực đối với bố mẹ, anh cho rằng chị T không đủ tư cách để nuôi cháu K.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh chấp nhận việc nếu cháu K muốn ở cùng ai thì anh cũng đồng ý và tại biên bản lấy lời khai cháu K tại trụ sở Tòa án có sự chứng kiến của cả chị T và anh D cũng như tại phiên tòa cháu K đều khai xin được ở cùng chị T. Bản thân cháu K vẫn sinh sống ổn định cùng chị T; tại phiên tòa anh D thừa nhận trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, anh không chu cấp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và anh cũng thừa nhận

việc anh không thể chăm sóc cháu K được như chị T. Mặt khác, mặc dù chị T thừa nhận do giận chồng mà có lúc không làm chủ được bản thân nên đã có lời lẽ không đúng mực đối với cha mẹ, song đó không phải là cách chị giáo dục cháu K. Xét nên giao cháu K cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh D và chị T, phù hợp với nguyện vọng của cháu K cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu K, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết về phần tài sản nên không phải giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Quang D.

3/ Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Quang Huy K, sinh ngày 04/4/2011. Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Huy K.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về tài sản chung: Chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2016/0000823 ngày 18/5/2018.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T và anh D. Báo cho chị T và anh D biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Kim Thành;*
- *UBND xã T, huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung